

Bản án số: 47/2025/LĐ-PT  
Ngày: 19/5/2025  
V/v Tranh chấp về tiền lương.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tài

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Tâm Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 27/2025/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp về tiền lương”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 18/2024/LĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1790/2025/QĐPT-LĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5878/2025/QĐPT-LĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963; Địa chỉ: A chung cư Z L, Phường N, Quận J, Thành phố H.

- **Bị đơn:** **Tổng công ty D**; Trụ sở: Tòa nhà D, Số B H, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Trung tâm kinh doanh D Thành phố H – Chi nhánh Tổng công ty D, Địa chỉ: C P, phường V, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Dương Thu H**, Chức vụ: Trưởng phòng Nhân sự thuộc Trung tâm Kinh doanh D Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 164/GUQ-TTKD HCM-NS ngày 22/4/2025) và Ông **Lê Văn Lý T1**, Chức vụ: Phó phòng Nhân sự thuộc Trung tâm Kinh doanh D Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 297/GUQ-TTKD HCM-NS ngày 26/07/2024).

- **Người kháng cáo:** Ông **Nguyễn Văn T**, là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024, ngày 20/5/2024, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 14/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Trước đây ông T làm việc tại Trung tâm kinh doanh D Thành phố H. Cuối tháng 01/2024, vì lý do sức khỏe ông T đã gửi đơn đến Trung tâm kinh doanh đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động. Đề nghị của ông T đã được Trung tâm kinh doanh D Thành phố H chấp nhận và ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hiệu lực từ 01/02/2024. Ngày 29/3/2024, Trung tâm kinh doanh thực hiện quyết toán BSC quý 4/2023 và Quyết toán quỹ lương năm 2023 (gồm các khoản: Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty; Tiền lương bổ sung Tổng công ty). Ông T không được Trung tâm kinh doanh chi trả khoản tiền quyết toán này. Ông T liên hệ Trung tâm kinh doanh tìm hiểu thì ngày 04/4/2024, bà Dương Thu H - Trưởng phòng Tổ chức nhân sự, Trung tâm kinh doanh trả lời: *"Theo Điều 12 trong Phụ lục hướng dẫn khung cơ chế phân phối tiền lương tại Trung tâm Kinh doanh D T/TP tại Văn bản số 1447/D VNP-TCNS ngày 12/4/2023 của quy chế của Tổng công ty D đã nêu rõ: Các trường hợp sau đây thì được trả lương, thưởng đến thời điểm nghỉ việc theo quyết định mà không được phân phối thêm bất cứ khoản tiền từ nguồn lương dự phòng, nguồn lương phân bổ của Trung tâm kinh doanh, hoặc các nguồn lương khuyến khích khác của Trung tâm kinh doanh kể từ ngày ký quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động: Người lao động thôi việc, Cán bộ công nhân viên tự nguyện xin nghỉ việc, nghỉ việc do bị kỷ luật và Người lao động tạm dừng hợp đồng lao động. Việc phân bổ trên các nguồn lương dự phòng, nguồn lương phân bổ của Trung tâm kinh doanh, hoặc các nguồn lương khuyến khích khác của Trung tâm kinh doanh chỉ thực hiện phân bổ cho các cá nhân đang có mặt và đang còn hiệu lực thi hành hợp đồng lao động với đơn vị tại thời điểm phân phối. Và do ông T thuộc dạng Cán bộ công nhân viên tự nguyện xin nghỉ việc nên không được chi trả"*. Ngày 11/4/2024, ông T đã phản hồi ý kiến của bà Dương Thu H rằng ông T đã làm việc trọn cả năm 2023 nên phải được hưởng khoản chi trả quyết toán (thực sự là lương) như những người lao động khác cũng làm việc trọn năm 2023. Tổng công ty D không thể ban hành văn bản hành chính và căn cứ văn bản này để cắt tiền lương của người lao động như đã trả lời phản ánh của ông T. Điều này không phù hợp với Bộ luật Lao động năm 2019. Đến nay, Tổng công ty D không trả lời ý kiến của ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Yêu cầu Tổng công ty D thanh toán cho ông T các khoản quyết toán lương của năm 2023 mà Tổng công ty D đã thanh toán cho người lao động vào ngày 29/3/2024, bao gồm các khoản liệt kê dưới đây: Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty;

Tiền lương bổ sung Tổng công ty. Tổng các khoản trên ước tính khoảng 60.000.000 đồng.

*Tại các bản tự khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, Tổng công ty D có ông Lê Văn Lý T1 đại diện trình bày:*

Theo đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động từ 01/2/2024 của ông Nguyễn Văn T và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 23/QĐ-TTKD H-NS ngày 18/1/2024 của Trung tâm kinh doanh D Thành phố H thì đây là trường hợp: Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019. Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động, trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên. Đồng thời, theo khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019: Người sử dụng lao động có trách nhiệm: Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chất giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động. Thực hiện các quy định nêu trên, Trung tâm kinh doanh D Thành phố H đã thanh toán cho ông T các khoản lương và thu nhập của tháng 01/2024, trợ cấp thôi việc theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 và quy định của Tổng công ty. Căn cứ vào quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, cũng như thỏa thuận tại hợp đồng lao động đã ký giữa 2 bên, Trung tâm kinh doanh D Thành phố H đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan giữa 2 bên. Tuy vậy, đến thời điểm 29/3/2024 (90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính 2023), khi biết được các đồng nghiệp còn làm việc tại Trung tâm kinh doanh D Thành phố H được nhận các khoản lương và khen thưởng cho năm tài chính 2023 thì ông T đã yêu cầu Trung tâm kinh doanh D Thành phố H tiếp tục thanh toán các khoản này như các cán bộ nhân viên còn đang làm việc. Các khoản ông T yêu cầu thanh toán sau thời điểm 29/3/2024, bao gồm:

1/ Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền lương bổ sung Tổng công ty.

Theo quy định tại hợp đồng lao động được ông T và Trung tâm kinh doanh D Thành phố H ký kết ngày 01/12/2015, điểm b khoản 1 Điều 3 có quy định: "Thu nhập (mức lương khoán): Người lao động làm việc tại Tổng công ty, hàng tháng được hưởng thu nhập theo quy định tại Quy chế phân phối tiền lương cho tập thể và cá nhân tại Tổng công ty D và/hoặc Đơn vị" và "Tiền thưởng: Theo quy định của Đơn vị và/hoặc Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật". Điều khoản thi hành trong hợp đồng lao động cũng quy định: Những nội dung không được thỏa thuận trong Hợp đồng này được thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, các quy chế khác của Đơn vị, Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Theo Quy chế phân phối tiền lương ban hành theo Quyết định số 2103/QĐ-D VNP-NS ngày 11/11/2016, Tổng công ty D xác định Cơ chế trả lương xây dựng thống nhất theo phương pháp 3Ps: Tiền lương của người lao động phải gắn

với 03 yếu tố: P1 (vị trí công việc), P2 (năng lực cá nhân) và P3 (kết quả công việc). Gắn liền lương của cá nhân với kết quả sản xuất kinh doanh của tập thể, đơn vị và toàn Tổng công ty. Theo quy định tại Quy chế tiền lương này, tiền lương được phân phối để chi trả cho các trường hợp sau: Tiền lương cá nhân hàng tháng; Tiền lương được chi trả khác, bao gồm tiền lương trả cho người lao động trong thời gian thử việc, hợp đồng lao động theo thời vụ có thời hạn dưới 12 tháng; Tiền lương trong thời gian cử đi đào tạo; Tiền lương trong thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, đi nghỉ mát, đi du lịch nước ngoài, nghỉ phép năm; Tiền lương trong thời gian nghỉ hưởng chế độ trước khi nghỉ hưu; Tiền lương trong thời gian nghỉ điều trị tai nạn lao động; Tiền lương ngày ngừng việc theo quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động. Như vậy, theo quy định của hợp đồng lao động và Quy định chi trả lương của Tổng công ty D sẽ không có tiền lương cố định cho các khoản: Bồi sung Trung tâm kinh doanh cho người lao động, Tiền lương BSC quý, tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty, tiền lương bồi sung Tổng công ty. Mà các khoản này phụ thuộc vào các kết quả sản xuất kinh doanh chung của Trung tâm kinh doanh, Tổng công ty và phê duyệt của Tập đoàn cũng như các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi kết thúc năm tài chính.

Đồng thời, theo quy định của Quy chế tiền lương này, các khoản thu nhập trên chỉ áp dụng đối với: Người lao động đang có hợp đồng lao động với Tổng công ty D (tức các loại hợp đồng lao động đang còn hiệu lực), các trường hợp người lao động tự nguyện xin chấm dứt chấm dứt hợp đồng lao động không được chi trả theo quy định (không được bảo lưu để nhận sau khi đã chấm dứt hợp đồng lao động) (Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 13 Quy chế). Đây được hiểu là các khoản tiền lương, thưởng cho thành tích của Tổng công ty D từ Tập đoàn D (Chủ sở hữu của Tổng công ty D), từ đó Tổng công ty D phân phối cho các đơn vị trực thuộc (các Trung tâm kinh doanh, đơn vị phụ thuộc khác) để tính toán phân bổ và khen thưởng cho người lao động tại đơn vị vào thời điểm được Tập đoàn, Tổng công ty ban hành các Quyết định phân bổ nguồn bồi sung và khen thưởng này. Các quyết định, văn bản này thường ban hành sau khi Tập đoàn, Tổng công ty hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước, báo cáo và có phê duyệt của các Cơ quan có thẩm quyền (Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...).

Trên cơ sở các văn bản, quyết định như nêu trên của Tập đoàn, Tổng công ty, Trung tâm kinh doanh D Thành phố H căn cứ nguồn được phân bổ, danh sách lao động hiện hữu (sau khi có lao động nghỉ việc, nghỉ hưu; điều chuyển công tác...) thực hiện tính toán theo các chỉ số, kết quả hoàn thành công việc, thành tích của từng cá nhân để tính toán số tiền được phân bổ, tiền thưởng thành tích của từng người lao động và thực hiện chi trả trước ngày 31/3/2024.

2/ Tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty.

Theo quy định tại Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Tổng công ty D ban hành theo Quyết định số 1514/QĐ-D VNP-CL ngày 03/12/2015 thì: Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong sản xuất kinh doanh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo quy chế nêu trên, đối tượng được khen thưởng là các cá nhân, tập thể trong hệ thống tổ chức của Tổng công ty, trong đó cá nhân phải là người lao động đã ký hợp đồng lao động từ 01 năm (12 tháng) trở lên. Việc xét và bình bầu các danh hiệu khen thưởng được thực hiện theo quy trình quy định tại Quy chế nêu trên. Theo đó, để cá nhân được khen thưởng bằng danh hiệu cũng như bằng tiền phải được xem xét, đề xuất và công nhận. Tại thời điểm thực hiện bình bầu, khen thưởng, xét danh hiệu thi đua... vào 29/3/2024, ông T không thuộc danh sách được đề xuất khen thưởng (khen thưởng thường xuyên, đột xuất, theo chuyên đề...). Do vậy, ông T không được hưởng các khoản khen thưởng, phúc lợi tại thời điểm chi trả 29/3/2024 và không có việc chi trả các khoản tiền thưởng từ phúc lợi của Tổng công ty cho cá nhân ông T như yêu cầu.

Căn cứ đơn khởi kiện của ông T và quy định của Tổng công ty D cũng như hợp đồng lao động đã ký, các quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, cho thấy: Tổng công ty D đã hoàn thành đầy đủ trách nhiệm của người sử dụng lao động với người lao động khi các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định; Nội dung yêu cầu thanh toán các khoản lương, thưởng đối với cá nhân ông T vào thời điểm 29/3/2024 là không có căn cứ, bởi đây là các khoản lương, thưởng, nguồn tiền lương được hình thành sau thời điểm ông T đã chấm dứt hợp đồng lao động, không còn là lao động của Tổng công ty D; không có căn cứ nào để ông T được tính toán và nhận các khoản này nên con số 60.000.000 đồng là không có căn cứ. Chính vì vậy, Tổng công ty D đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc Tổng công ty D chi trả các khoản tiền lương quyết toán năm 2023 mà Tổng công ty D đã thanh toán cho người lao động vào ngày 29/3/2024.

*Bản án lao động sơ thẩm số 18/2024/LĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:*

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 96, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 244, Điều 233 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 24/9/2024, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

*Người kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do việc Tòa án căn cứ nội dung hợp đồng lao động để bác bỏ yêu cầu của ông là không phù hợp với thực tế tính lương của Công ty. Gắn liền với tiền lương là kết quả sản xuất kinh doanh của tập thể đơn vị và toàn Tổng công ty, các khoản thanh toán bổ sung cũng được xem là lương và thu nhập của người lao động. Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán được nguyên đơn tính, sau khi tìm hiểu thì số tiền này khoảng 81.000.000 đồng. Tòa án có thể yêu cầu bị đơn cung cấp, tính toán trên cơ sở kết quả kinh doanh, kết quả hoàn thành công việc, thành tích của ông trong năm 2023 trên chương trình tính lương của Tổng công ty. Nghiên cứu quy định tại Điều 90 Bộ luật Lao động về tiền lương, nguyên đơn xác định tiền lương bổ sung là các khoản bổ sung khác theo quy định của Điều luật này, do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 94 và khoản 1 Điều 95 Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động có nghĩa vụ trả lương theo thỏa thuận cho người lao động. Quy chế phân phối tiền lương của Tổng công ty không đúng với quy định về tiền lương của Bộ luật Lao động. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Bị đơn Tổng công ty D có bà Dương Thu H đại diện theo ủy quyền trình bày:* Việc chi trả lương thưởng, phân phối tiền lương bổ sung của Tổng công ty thực hiện đúng Quy chế phân phối tiền lương ban hành theo Quyết định số 2103/QĐ-D VNP-NS ngày 11/11/2016 nên Tổng công ty không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi nguyên đơn nộp đơn xin nghỉ việc và được Tổng công ty D, ngày 02/02/2024, Tổng công ty đã xem xét và chi thêm cho ông T một khoản hỗ trợ hơn 20 triệu đồng khi hai bên chấm dứt hợp đồng lao động theo đơn đề nghị của ông T nên không thể hỗ trợ thêm cho ông T tại Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án như sau:*

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Lao động, xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về tiền lương” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về điều kiện tiền tố tụng: Tranh chấp về tiền lương đã thực hiện hòa giải cơ sở (kết quả không tiến hành hòa giải được vào ngày 03/6/2024 và hòa giải không thành vào ngày 05/6/2024), Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ lao động: Căn cứ Hợp đồng lao động số 675/2015/D VNP-TTKD H/HĐLĐ ngày 01/12/2015, xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết, xác lập và thực hiện quan hệ lao động. Cuối tháng 01/2024, vì lý do sức khỏe ông T đã gửi đơn đến Trung tâm kinh doanh đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động. Đề nghị của ông T đã được Trung tâm kinh doanh D Thành phố H chấp nhận và ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hiệu lực từ 01/02/2024.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán các khoản quyết toán lương của năm 2023 mà Tổng công ty D đã thanh toán cho người lao động vào ngày 29/3/2024, bao gồm các khoản: Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty; Tiền lương bổ sung Tổng công ty. Tổng các khoản trên ước tính khoảng 60.000.000 đồng.

**[2.3] Cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu chứng cứ:**

- Nội dung Hợp đồng lao động số 675/2015/D VNP-TTKD H/HĐLĐ ngày 01/12/2015 không có điều khoản quy định về các khoản quyết toán lương của năm mà Tổng công ty D sẽ thanh toán cho người lao động, bao gồm các khoản:

Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty; Tiền lương bổ sung Tổng công ty.

- Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 23/QĐ-TTKD H-NS ngày 18/01/2024 không có nội dung về các khoản quyết toán lương của năm mà Tổng công ty D sẽ thanh toán cho người lao động, bao gồm các khoản: Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty; Tiền lương bổ sung Tổng công ty. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024.

- Quy chế phân phối tiền lương ban hành theo Quyết định số 2103/QĐ-D VNP-NS ngày 11/11/2016, tại điểm b khoản 3 Điều 13 Quy chế quy định: "*Các trường hợp sau đây thì được trả lương, thưởng đến thời điểm nghỉ việc theo quyết định mà không được hưởng các khoản tiền lương bổ sung và tiền thưởng từ lợi nhuận của tập đoàn, của Tổng công ty D thời gian làm việc trước khi nghỉ việc (nếu có): ...Người lao động tự nguyện xin chấm dứt hợp đồng lao động...*".

Để không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4] Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc áp dụng quy định tính tiền lương thưởng bằng Phụ lục hướng dẫn khung cơ chế phân phối tiền lương tại Trung tâm kinh doanh D Thành phố H tại Văn bản số 1447/D VNP-TCNS ngày 12/4/2023 của quy chế của Tổng công ty D phân phối tiền lương ban hành theo Quyết định số 2103/QĐ-D VNP-NS ngày 11/11/2016. Cấp sơ thẩm căn cứ Quy chế phân phối tiền lương ban hành theo Quyết định số 2103/QĐ-D VNP-NS ngày 11/11/2016 để xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định.

[2.5] Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc Quy chế phân phối tiền lương của Tổng công ty không đúng với quy định về tiền lương của Bộ luật Lao động, nguyên đơn căn cứ quy định tại Điều 90 Bộ luật Lao động về tiền lương, xác định tiền lương bổ sung là các khoản bổ sung khác theo quy định của Điều luật này. Qua kiểm tra, đối chiếu các quy định của Bộ luật Lao động năm 2012, năm 2019, các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động có liên quan đến Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2019, thì các khoản bổ sung khác không có quy định bao gồm tiền lương bổ sung như trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy Quy chế phân phối tiền lương của Tổng công ty là đúng với quy định về tiền lương của Bộ luật Lao động.

[2.6] Về thiếu sót: Trong phần nhận định của Bản án sơ thẩm, Cấp sơ thẩm nhận định ông T không còn là nhân viên của Công ty từ ngày 18/01/2024 là chưa chính xác, cần căn cứ quy định về hiệu lực của Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 23/QĐ-TTKD H-NS ngày 18/01/2024 xác định ông T không còn là nhân viên của Công ty từ ngày 01/02/2024.

[2.7] Cấp sơ thẩm nhận định việc ngày 29/3/2024 Công ty không chi các khoản tiền gồm: Tiền lương bổ sung Trung tâm kinh doanh; Tiền lương BSC quý; Tiền lương bổ sung Tổng công ty cho ông T là thực hiện đúng theo quy

định nội bộ của công ty nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Cấp sơ thẩm nhận định về tiền khen thưởng phúc lợi Tổng công ty: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T được Công ty khen thưởng nên không được chấp nhận là có căn cứ. Do các yêu cầu của ông T xuất phát từ việc ông T biết được khoản tiền các đồng nghiệp cũ được nhận và ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ thể cho từng yêu cầu, số tiền 60.000.000 đồng là số tiền ông T tự ước lượng, Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xác định ông Nguyễn Văn T được miễn án phí sơ thẩm là đúng quy định.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo, nguyên đơn được miễn án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 18/2024/LĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 96, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 244, Điều 233 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Văn T được miễn án phí lao động phúc thẩm.

#### 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tài**